

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ H
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 02/2020/HNGĐ-ST

Ngày 25/5/2020

V/v “Xin ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Giang Phước Thành.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Văn Huy.

2. Ông Nguyễn Văn Út.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Như Ngọc – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Bà Lâm Thanh Thủy – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 5 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 11/2020/TLST-HNGĐ ngày 10/02/2020 về việc “Xin ly hôn”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Hồ Thị K, sinh năm 1983.

Địa chỉ: Tổ B, khu phố M, phường T, thành phố H, tỉnh Kiên Giang.

2. *Bị đơn:* Ông Đặng Văn C, sinh năm 1984. .

Địa chỉ: Tổ B, khu phố M, phường T, thành phố H, tỉnh Kiên Giang.

Nguyên đơn có mặt, bị đơn có đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 31 tháng 01 năm 2020 và tại phiên tòa nguyên đơn bà Hồ Thị K trình bày: Bà và ông Đặng Văn C kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Q, thị xã H, tỉnh Nghệ An vào ngày 25/7/2014. Trong cuộc sống vợ chồng lúc đầu hạnh phúc, sau này vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm thường xuyên cự cãi, xô xát đánh nhau, đã nhiều lần hàn gắn nhưng không được, ông C vẫn hay đánh đập đe dọa tính mạng bà. Hiện nay không thể hàn gắn để đoàn tụ về chung sống với nhau và nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài nên yêu cầu được ly hôn với ông C.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có một con chung tên Đặng Thị Quỳnh A, giới tính nữ, sinh ngày 26/02/2015. Khi ly hôn bà đồng ý giao con lại cho ông C được nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành, bà không cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận phân chia và không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Bị đơn ông Đặng Văn C có đơn xin xét xử vắng mặt. Tại bản tự khai ngày 12/3/2020 ông C trình bày: Ông và bà K kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Q, thị xã H, tỉnh Nghệ An vào ngày 25/7/2014. Nay bà K xin ly hôn, ông đồng ý ly hôn.

Về con chung: Ông yêu cầu được nuôi dưỡng con đến tuổi trưởng thành, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận với nhau.

Về nợ chung: Không có

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H phát biểu về việc tuân theo pháp luật trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án của thẩm phán, hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Riêng bị đơn chưa thực hiện theo quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án của Viện kiểm sát nhân dân thành phố H: Về quan hệ hôn nhân: áp dụng Điều 19, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, đề nghị chấp nhận cho bà K ly hôn với ông C. Về con chung: Áp dụng khoản 2 Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, đề nghị giao con chung cho ông C tiếp tục nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành, ghi nhận việc không yêu cầu cấp dưỡng của ông C. Về phân tài sản chung tự thỏa thuận phân chia, nợ chung: không có nên không yêu cầu xem xét. Án phí: Buộc bà K chịu án phí theo quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử ghi nhận tất cả ý kiến của kiểm sát viên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và căn cứ Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, đây là vụ án có quan hệ pháp luật tranh chấp Hôn nhân và gia đình về việc xin ly hôn. Trong vụ án này bị đơn ông Đặng Văn C có hộ khẩu thường trú tại khu phố 1, phường Tô Châu, thành phố H, tỉnh Kiên Giang nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều

35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố H.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn ông Đặng Văn C có đơn xin vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Về nội dung: Bà Hồ Thị K và ông Đặng Văn C kết hôn với nhau, hôn nhân do ông bà tự nguyện và được Ủy ban nhân dân phường Q, thị xã H, tỉnh Nghệ An cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 25/7/2014. Như vậy hôn nhân của ông bà là hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Bà K, ông C đều xác nhận quan hệ hôn nhân của ông bà đã rạn nứt, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn, hiện nay không còn yêu thương, quan tâm chăm sóc lẫn nhau, không muốn quay về đoàn tụ. Xét thấy hôn nhân của bà K, ông C đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, quá trình thụ lý giải quyết bà K vẫn giữ nguyên nội dung đơn khởi kiện là xin ly hôn với ông C; Tại bản tự khai ngày 12/3/2020 ông C cũng thống nhất ly hôn nhưng khi triệu tập hòa giải và xét xử tại phiên tòa ông C đều vắng mặt và có đơn xin vắng mặt nên áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, nghị cần chấp nhận cho bà K được ly hôn với ông C.

[4] Về con chung: Ông bà có một con chung tên Đặng Thị Quỳnh A, giới tính nữ, sinh ngày 26/02/2015, hiện nay con đang sống cùng ông C. Khi ly hôn ông C có nguyện vọng được nuôi dưỡng con đến tuổi trưởng thành, bà K cũng thống nhất ý kiến của ông C, bà đồng ý giao con cho ông C nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Xét thấy hiện nay cháu A đang sống cùng ông C và ông bà nội cháu ở quê nên việc ông C tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc cháu A là tạo điều kiện cho cháu A phát triển về mọi mặt. Áp dụng khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, nghị cần giao con chung cho ông C nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Ghi nhận ý kiến ông C không yêu cầu bà K cấp dưỡng nuôi con chung.

[5] Về tài sản chung: Ông bà trình bày tự thỏa thuận phân chia nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về nợ chung: Ông bà trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí: Bà K khởi kiện nên phải nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm số tiền là 300.000 đồng.

Bởi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; các Điều 28, 35, 39, 147, khoản 1 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Hồ Thị K với ông Đặng Văn C.
- Về con chung: Giao cháu Đặng Thị Quỳnh A, giới tính nữ, sinh ngày 26/02/2015 cho ông Đặng Văn C tiếp tục nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Ghi nhận ý kiến ông C không yêu cầu bà K phải cấp dưỡng phí tổn nuôi con chung.

Ông C cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở bà K trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung theo quy định của pháp luật

- Về tài sản chung: Ông bà trình bày tự thỏa thuận phân chia nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về nợ chung: Ông bà trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

2. Về án phí: Bà Hồ Thị K phải nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm số tiền là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ tiền tạm ứng án phí mà bà K đã nộp số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai tạm ứng án phí số 0004914 ngày 10 tháng 02 năm 2020 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố H, nay bà K không phải nộp thêm.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự; người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh KG;
- VKSND tỉnh Kiên Giang
- VKSND thành phố H;
- Chi cục THADS thành phố H;
- UBND phường Q, thị xã H;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Giang Phước Thành

